

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày: 06-9-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Hoàng Thăng Bắc.**

Bà: **Lý Thị Thịnh.**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Cao Thị Hải Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Trọng Hữu** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS, ngày 09 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Đức Th, sinh ngày: 06/02/1989 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Tk, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Ma Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2019 đến ngày 28/5/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm tạm, bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh **Trần Thái B**, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Trần Thái B: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Đều trú tại: Tk, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông **Dương Văn O**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Khương Văn Th**, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Tk, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Trú tại: Tk, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Ông **Dương Văn Ph**, sinh năm 1956. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 04/5/2019, Hoàng Đức Th đi xe máy của gia đình đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông Trần Quốc V, Th đi vào trong nhà gặp ông V, qua trao đổi Th có ý định bán chiếc xe máy mà Th đang đi cho ông V. Sau khi xem chiếc xe ông V trả giá 500.000^d (*Năm trăm nghìn đồng*), thấy ông V trả giá thấp nên Th không bán. Khi đó, tại cửa hàng có khách đến bán phế liệu nên ông V ra hộ khách dỡ hàng, thấy vậy Th cũng đứng dậy với ý định là đi về, ngay lúc đó Thiện nhìn thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, màn hình cảm ứng đang sạc pin để ở trên kết sắt, kê cạnh giường ngủ, thấy vậy Th nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy ông V và gia đình đang bận mua bán hàng không để ý, nên Th đã lén lút rút dây sạc ra rồi lấy chiếc điện thoại di động giấu vào bên trong cặp quần đang mặc trên người, rồi đi ra ngoài lấy xe máy về nhà. Khi về đến nhà thì Th lấy chiếc điện thoại ra tháo sim để tránh bị phát hiện, sau đó đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày Th đem chiếc điện thoại ra cửa hàng Thành Mai ở Tk, thị trấn C, huyện B bán cho anh Nguyễn Văn Th là chủ cửa hàng được 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền này Th đã đi mua ma túy để sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, bị hại là anh Trần Thái B đã trình báo cơ quan chức năng. Cơ quan điều tra đã tìm lại chiếc điện thoại và đã trả lại cho anh Trần Thái B, nên anh B không yêu cầu bồi thường. Do đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nên anh B có giấy ủy quyền cho bố là ông Trần Quốc V tham gia vụ án với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Th không biết tài sản do Th trộm cắp mà có nên đã mua chiếc

điện thoại với giá 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), anh Th yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường số tiền đó.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B đã kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 và 01 sim Viettel của Trần Thái B tại thời điểm yêu cầu định giá có giá trị là 4.633.333^d (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Trong khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đang tiến hành điều tra vụ án trên thì đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 20/5/2019, bị cáo Th đi bộ từ nhà đến nhà ông Dương Văn O chơi. Khi đến nơi Th quan sát thấy trong nhà không có ai, nhìn thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, Biển kiểm soát 97B1-391.40 của ông O dựng ở hiên nhà, do hay đến nhà ông O chơi nên Th biết chìa khóa xe máy thường để ở trong tủ, kê giữa nhà nên Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy, bị cáo đã lén lút đi vào trong nhà lấy được chìa khóa rồi ra dắt chiếc xe mô tô đi ra khỏi nhà ông O rồi nổ máy xe đi ra thị trấn C, huyện B. Khi ra đến thị trấn C, Th đem chiếc xe máy vào hiệu cầm đồ Thái Quế gặp anh Khương Văn Th là chủ hiệu cầm đồ, cầm cố chiếc xe kèm theo một số giấy tờ xe Th lấy được ở trong cốp xe, anh Th cho cầm cố với số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*). Sau khi có tiền Th bắt xe khách đi thành phố TN chơi và mua ma túy về sử dụng hết số tiền trên. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 97B1-391.xx là tài sản chung của gia đình ông Dương Văn Ph (xe đứng tên con trai ông Phương là Dương Văn T, hiện đang đi xuất khẩu lao động). Ngày 16/5/2019, em trai ông Ph là ông Dương Văn O đến nhà hỏi mượn chiếc xe để làm phương tiện đi lại sau đó bị Hoàng Đức Th lấy trộm, hiện gia đình đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu phải bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Khương Văn Th không biết chiếc xe máy là tài sản do trộm cắp mà có nên đã nhận cầm cố chiếc xe kèm theo giấy tờ xe với số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*). Nay anh Th yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B đã kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1-391.40 của ông Dương Văn O có giá trị là 8.829.131^d (*Tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm ba mươi một đồng*).

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số 20/CT-VKSBB ngày 08/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hoàng Đức Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố Hoàng Đức Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th số tiền 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khương Văn Th số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*).

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra đã trả lại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại đã lấy lại được tài sản của mình và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, qua trình điều tra các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khương Văn Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặt khác, họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Đức Th tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Đức Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của anh Trần Thái B, Dương Văn O trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để trộm cắp chiếc điện thoại Oppo A5 của anh B và trộm cắp chiếc xe máy của ông Dương Văn O. Tài sản bị cáo đã trộm cắp là chiếc điện thoại theo biên bản định giá và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Bể ngày 07/5/2019 có giá là 4.633.333^d (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) và tài sản bị cáo đã trộm cắp là chiếc xe máy theo biên bản định giá và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B ngày

27/5/2019 có giá là 8.829.131^d (*Tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn một trăm ba mươi một đồng*). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 13.462.464^d (*Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu (Năm 2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn kết án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số: 14/2017/HS-ST ngày 14/3/2017).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều “*Thành khẩn khai báo*” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là Hoàng Văn B được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, bà nội là Nông Thị S được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Song xét thấy bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại đã nhận lại được tài sản, không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khương Văn Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*) và bị cáo đã đồng ý bồi thường tất cả yêu cầu đó.

[6] *Về vật chứng:* Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện B đã trả lại tài sản cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về vấn đề khác*: Trong vụ án này, có anh Nguyễn Văn Th là người mua chiếc điện thoại và Khương Văn Th là người cầm cố chiếc xe máy với bị cáo nhưng những người này không biết những tài sản đó do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 48, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Đức Th 12 (*Mười Hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29/5/2019.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Đức Th phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 1.600.000^d (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*), bồi thường cho anh Khương Văn Th số tiền 7.000.000^d (*Bảy triệu đồng*).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Đức Th phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 430.000^d (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại (2)
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (1);
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện B; (1)
- Công an huyện B; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn